

1. MỤC TIÊU

1.1. Kiến thức: Học sinh ôn tập các kiến thức về:

- Vai trò và triển vọng của ngành chăn nuôi (Bài 1)
- Vật nuôi và phương thức chăn nuôi (Bài 2)
- Khái niệm, vai trò của giống trong chăn nuôi (Bài 3)
- Chọn giống vật nuôi (Bài 4)
- Nhân giống vật nuôi (Bài 5)
- Ứng dụng công nghệ sinh học trong chọn và nhân giống vật nuôi (Bài 6)

1.2. Kỹ năng: Học sinh rèn luyện các kỹ năng:

- Nhận biết, thông hiểu kiến thức vai trò, triển vọng của ngành chăn nuôi và vai trò của giống trong chăn nuôi, và các thành tựu trong chọn tạo, nhân giống vật nuôi
- Vận dụng kiến thức làm bài tập trắc nghiệm và bài viết tự luận.
- HS nắm vững hơn, hiểu rõ hơn về vai trò của ngành chăn nuôi theo hướng thông minh, bền vững, thân thiện với môi trường của đất nước ta.

2. NỘI DUNG

2.1. Ma trận:

TT	Nội dung kiến thức	Mức độ nhận thức				Tổng số câu	
		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	TN	TL
1.	Vai trò và triển vọng của ngành chăn nuôi	1		1	1	3	
2.	Vật nuôi và phương thức chăn nuôi	1	1			2	1
3.	Khái niệm, vai trò của giống trong chăn nuôi	1	1		1	3	
4.	Chọn giống vật nuôi		1		1	2	1
5.	Nhân giống vật nuôi	1		1		2	
6.	Ứng dụng công nghệ sinh học trong chọn giống vật nuôi	1	1	1		3	
7.	Ứng dụng công nghệ sinh học trong nhân giống vật nuôi	1				1	1
Tổng số câu hỏi		6	4	3	3	16	3

2.2. Câu hỏi tự luận:

Câu 1: Ngành chăn nuôi có vai trò như thế nào đối với con người và nền kinh tế nước ta? Liên hệ với thực tiễn của gia đình và địa phương em?

Câu 2: Lập bảng so sánh ưu điểm, nhược điểm của phương thức chăn thả tự do, chăn nuôi công nghiệp, chăn nuôi bán công nghiệp? Phương thức nào có ưu điểm lớn nhất? Vì sao?

Câu 3: Khái niệm giống vật nuôi và cho biết vai trò của giống vật nuôi trong chăn nuôi? Cho ví dụ minh họa?

Câu 4: So sánh nhân giống thuần chủng và lai giống? Viết sơ đồ lai để chứng minh sự khác nhau?

Câu 5: Trình bày khái niệm, ý nghĩa của công nghệ cấy truyền phôi? Công nghệ cấy truyền phôi được thực hiện qua những bước như thế nào? Vì sao cấy truyền phôi được áp dụng phổ biến ở bò, mà thường không áp dụng đối với lợn?

2.3. Câu hỏi trắc nghiệm:

Bài 1:

Câu 1. Vai trò của ngành chăn nuôi:

- A. Cung cấp thực phẩm trong nước và xuất khẩu và nguyên liệu cho công nghiệp chế biến
- B. Tạo việc làm, phục vụ cho tham quan du lịch, lưu giữ văn hóa truyền thống
- C. Cung cấp sức kéo, cung cấp phân bón cho ngành trồng trọt
- D. Tất cả các ý

Câu 2. Sản phẩm chăn nuôi nào sau được dùng làm thực phẩm, nguyên liệu cho CN chế biến

- A. Thịt, trứng, sữa, lông, da, sừng
- B. Phân bón
- C. Các mô cơ quan, tế bào, động vật sống
- D. Tất cả các ý

Câu 3. Lĩnh vực nào sau thuộc ngành chăn nuôi

- A. Trang trại nông sản sạch
- B. Trang trại chăn nuôi bò sữa cao sản
- C. Siêu thị thực phẩm hữu cơ
- D. Cửa hàng bán các loại thịt, trứng, sữa

Câu 4. Thành tựu công nghệ cao nào sau thuộc lĩnh vực chăn nuôi công nghệ cao

- A. Công nghệ thông tin, viễn thông
- B. Công nghệ sản xuất hàng tiêu dùng tự động
- C. Máy tự động vắt sữa bò
- D. Kỹ thuật in 3 D

Câu 5. Lợi ích của việc ứng dụng công nghệ cao trong chăn nuôi là:

- A. Sản phẩm tạo ra theo quy trình khép kín, an toàn, hiệu quả
- B. Truy suất nguồn gốc sản phẩm dễ dàng, tin cậy
- C. Tiết kiệm nhân công lao động
- D. Sản phẩm tạo ra theo quy trình khép kín, an toàn, hiệu quả, dễ dàng truy suất nguồn gốc, và tiết kiệm nhân công lao động

Câu 6. Đặc điểm của mô hình chăn nuôi bền vững

- A. Vật nuôi được chăm sóc nuôi dưỡng tốt, không bị ngược đãi, được tự do thể hiện tập tính tự nhiên
- B. Người chăn nuôi có lợi nhuận
- C. Người tiêu dùng được sử dụng sản phẩm an toàn, chất lượng, giá cả phải chăng
- D. Đảm bảo lợi ích của vật nuôi (chăm sóc nuôi dưỡng tốt, không bị ngược đãi, được tự do thể hiện tập tính tự nhiên); Người chăn nuôi có lợi nhuận; Người tiêu dùng được sử dụng sản phẩm an toàn, chất lượng, giá cả phải chăng; Môi trường được gìn giữ và bảo vệ.

Câu 7. Đặc điểm của mô hình chăn nuôi thông minh

- A. Bền vững, an toàn, bảo vệ môi trường, được áp dụng công nghệ cao, hiện đại, phù hợp thực tiễn và đảm bảo tính nhân đạo cho vật nuôi, đảm bảo liên kết khép kín “từ trang trại đến bàn ăn”
- B. Sử dụng các công nghệ như AI, IoT, các thiết bị tự động từ mô hình chăn nuôi nhỏ đến mô hình chăn nuôi lớn
- C. Sử dụng các robot thông minh thay cho hoạt động chăn nuôi của con người
- D. Áp dụng công nghệ cao, hiện đại, an toàn trong mọi mặt của ngành chăn nuôi

Câu 8. Thành tựu trong công tác giống vật nuôi là

- A. Công nghệ Biogas trong xử lý chất thải chăn nuôi
- B. Công nghệ Gene trong chọn, tạo và nhân giống vật nuôi
- C. Công nghệ Robot tự động trong thu trứng, vắt sữa bò
- D. Công nghệ vi sinh trong lên men và bảo quản, chế biến thức ăn chăn nuôi

Câu 9. Thành tựu trong công tác chăm sóc nuôi dưỡng vật nuôi là

- A. Công nghệ Biogas trong xử lý chất thải chăn nuôi
- B. Công nghệ Gene trong chọn, tạo và nhân giống vật nuôi

- C. Công nghệ Robot tự động trong thu trứng, vắt sữa bò
- D. Công nghệ vi sinh trong lên men và bảo quản, chế biến thức ăn chăn nuôi

Câu 10. Thành tựu trong công tác xử lý chất thải chăn nuôi là

- A. Công nghệ Biogas trong xử lý chất thải chăn nuôi
- B. Công nghệ Gene trong chọn, tạo và nhân giống vật nuôi
- C. Công nghệ Robot tự động trong thu trứng, vắt sữa bò
- D. Công nghệ vi sinh trong lên men và bảo quản, chế biến thức ăn chăn nuôi

Câu 11. Hầm Biogas, chế phẩm sinh học là thành tựu trong lĩnh vực chăn nuôi nào sau:

- A. Công tác giống vật nuôi
- B. Công tác chăm sóc, nuôi dưỡng
- C. Công tác xử lý chất thải và bảo vệ môi trường chăn nuôi
- D. Công tác chế biến thức ăn chăn nuôi

Câu 12. Ứng dụng IoT, AI, robot được ứng dụng trong mô hình chăn nuôi nào sau?

- A. Chăn thả dê tự do trên đồi, vườn tự nhiên
- B. Chăn nuôi 10 000 lợn mô hình công nghiệp hiện đại
- C. Gà Đông Tảo nuôi thả vườn trong mô hình vườn - chuồng
- D. Chăn nuôi vịt cỏ thả tự do trên đồng ruộng vào mùa đất nghỉ cấy lúa

Câu 13. Liên kết chuỗi chăn nuôi khép kín “từ trang trại tới bàn ăn” là đặc điểm của mô hình

- A. Chăn nuôi thông minh
- B. Chăn nuôi bán công nghiệp
- C. Chăn nuôi thả tự do
- D. Sản bắt tự nhiên

Câu 14. Vật nuôi bản địa là

- A. Là các giống được lai tạo ở Việt Nam
- B. Là các giống vật nuôi có nguồn gốc từ nước ngoài được nhập, nuôi dưỡng ở Việt nam
- C. Là giống vật nuôi được hình thành và chăn nuôi tại khu vực, địa phương nhất định thuộc lãnh thổ Việt Nam
- D. Là các giống vật nuôi ngoại nhập được nhân thuần chủng ở Việt Nam

Câu 15. Vật nuôi ngoại nhập là

- A. Là các giống được lai tạo ở Việt Nam
- B. Là các giống vật nuôi có nguồn gốc từ nước ngoài được nhập, nuôi dưỡng ở Việt nam
- C. Là giống vật nuôi được hình thành và chăn nuôi tại khu vực, địa phương nhất định thuộc lãnh thổ Việt Nam
- D. Là các giống vật nuôi được nhân thuần chủng ở Việt Nam và các nước khác trên thế giới

Câu 16. Yêu cầu quan trọng nhất đối với lao động ngành nghề chăn nuôi là

- A. Chăm chỉ, chịu khó, ham học hỏi
- B. Yêu cây xanh, có ý thức bảo vệ môi trường
- C. Yêu động vật, thích thiên nhiên
- D. Tất cả các ý

Câu 17. Công nghệ Biogas có vai trò

- A. Tạo phân bón an toàn; Sản xuất khí gas đun nấu; Tạo điện khí gas; Bảo vệ môi trường chăn nuôi
- B. Sản xuất khí gas đun nấu
- C. Tạo điện khí gas
- D. Bảo vệ môi trường chăn nuôi

Câu 18. Công nghệ nào sau không phải là công nghệ cao trong chăn nuôi

- A. Vòi phun tự động tắm cho lợn
- B. Máy thu hái nông sản tự động
- C. Máy massage tự động cho bò sữa
- D. Dây truyền thu trứng gà tự động

Câu 19. Triển vọng ngành chăn nuôi trong bối cảnh cách mạng 4.0

- A. Đưa ngành chăn nuôi trở thành ngành chính
- B. Đô thị hóa và số lượng dân cư này càng đông
- C. Nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu thực phẩm ngày càng cao; Khoa học kỹ thuật hiện đại được đưa vào phát triển ngành chăn nuôi; Được sự quan tâm, hỗ trợ của nhà nước cho sự phát triển của ngành
- D. Nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu thực phẩm ngày càng cao

Câu 20. Chiến lược phát triển mạnh ngành chăn nuôi Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn 2045 có nội dung nào sau

- A. Đưa ngành chăn nuôi trở thành ngành chính, khai thác chăn nuôi hướng bền vững
- B. Ngành thủy sản có tiềm năng cạnh tranh tốt
- C. Đa dạng các giống vật nuôi có tiềm năng
- D. Ứng dụng hiệu quả công nghệ 4.0, phát triển theo chuỗi liên kết trong ngành chăn nuôi bền vững

Câu 21. Vai trò của khoa học công nghệ đối với sự phát triển của ngành chăn nuôi

- A. Rút ngắn thời gian chọn tạo giống phù hợp mục đích chăn nuôi và mong muốn của giống
- B. Tiết kiệm công sức lao động và phí nhân công
- C. Tất cả các ý
- D. Điều kiện thuận lợi cho sự phát triển mô hình chăn nuôi thông minh.

Câu 22. Việc đảm bảo đối xử nhân đạo với vật nuôi có vai trò

- A. Giảm stress cho vật nuôi; Nâng cao sản lượng, chất lượng sản phẩm chăn nuôi
- B. Rút ngắn thời gian sinh trưởng phát triển của vật nuôi
- C. Vật nuôi nhanh lớn hơn, cho nhiều sản phẩm hơn
- D. Tất cả các ý

Câu 23. Ưu điểm của chăn thả tự do

- A. Gây ô nhiễm môi trường
- B. Vật nuôi được tự do thể hiện tập tính tự nhiên, đàn nuôi được gia tăng tự nhiên
- C. Chất lượng sản phẩm chăn nuôi được đảm bảo, nên giá thành tăng cao
- D. Vật nuôi được tự do thể hiện tập tính tự nhiên nên đảm bảo được chất lượng sản phẩm chăn nuôi

Câu 24. Ưu điểm của chăn nuôi công nghiệp

- A. Không gây ô nhiễm môi trường
- B. Đảm bảo năng xuất chăn nuôi cao, lợi nhuận lớn
- C. Đầu tư chi phí ban đầu cao
- D. Chi phí đầu tư chuồng trại linh động tùy quy mô xây dựng

Câu 25. Ưu điểm của chăn nuôi bán công nghiệp

- A. Không gây ô nhiễm môi trường
- B. Đảm bảo năng xuất chăn nuôi cao, lợi nhuận lớn
- C. Đầu tư chi phí ban đầu cao
- D. Chi phí đầu tư chuồng trại linh động tùy quy mô xây dựng

Câu 26. Chăn thả tự do có nhược điểm

- A. Khó quản lý đàn nuôi, số lượng dễ bị hao hụt
- B. Đảm bảo năng xuất chăn nuôi cao, lợi nhuận lớn
- C. Đầu tư chi phí ban đầu cao
- D. Chi phí đầu tư chuồng trại linh động tùy quy mô xây dựng

Câu 27. Nhược điểm của chăn nuôi công nghiệp

- A. Đầu tư chi phí ban đầu cao; Không gây ô nhiễm môi trường
- B. Đảm bảo năng xuất chăn nuôi cao, lợi nhuận lớn
- C. Chi phí đầu tư chuồng trại linh động tùy quy mô xây dựng
- D. Ảnh hưởng đến đối xử nhân đạo vật nuôi, chất lượng giảm, tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm môi trường

Câu 29. “Vật nuôi được tự do thể hiện tập tính tự nhiên” là yêu cầu của mô hình chăn nuôi

- A. Mô hình chăn nuôi công nghiệp
- B. Mô hình chăn nuôi gia đình
- C. Mô hình chăn nuôi nhốt
- D. Mô hình chăn nuôi bền vững

Câu 30. Chăn nuôi bền vững là mô hình luôn đảm bảo

- A. Vật nuôi và môi trường; Người chăn nuôi; Người tiêu dùng đều được lợi ích
- B. Người chăn nuôi có lợi nhuận cao

C. Người tiêu dùng sản phẩm thơm ngon, đa dạng, giá rẻ

D. Vật nuôi được chăm sóc, nuôi dưỡng tốt

Câu 31. Giống vật nuôi là quần thể vật nuôi:

A. cùng loài, cùng nguồn gốc, có ngoại hình và cấu trúc di truyền tương tự nhau, được hình thành, củng cố, phát triển do tác động của con người

B. cùng loài, được hình thành, củng cố, phát triển do tác động của con người

C. cùng nguồn gốc, được hình thành, củng cố, phát triển do tác động của con người

D. có ngoại hình và cấu trúc di truyền tương tự nhau, được hình thành, củng cố, phát triển do tác động của con người

Câu 32. Đâu không phải cách để phân loại giống vật nuôi

A. Dựa vào nguồn gốc

C. Dựa vào mức độ hoàn thiện

B. Dựa vào mục đích khai thác

D. Dựa vào giới tính

Câu 33. Các chỉ tiêu cơ bản để đánh giá chọn lọc vật nuôi là:

A. Ngoại hình thể chất, khả năng sinh trưởng và phát dục, chu kỳ động dục

B. Ngoại hình thể chất, khả năng sinh trưởng và phát dục, sức sản xuất

C. Nguồn gốc, khả năng sinh trưởng và phát dục, sức sản xuất

D. Nguồn gốc, chu kỳ động dục, sức sản xuất

Câu 34. Sức sản xuất của vật nuôi có thể là:

A. Khả năng tiêu tốn thức ăn

C. Tốc độ phát triển hoàn thiện.

B. Tốc độ tăng khối lượng cơ thể

D. Khả năng sinh sản.

Câu 35. Chọn phát biểu không đúng về thể chất của vật nuôi:

A. Thể chất được đánh giá dựa vào tốc độ tăng khối lượng cơ thể

B. Thể chất là chất lượng bên trong cơ thể vật nuôi

C. Thể chất có liên quan đến sức sản xuất và khả năng thích nghi với điều kiện môi trường sống của vật nuôi

D. Thể chất được hình thành bởi tính di truyền và điều kiện phát triển cá thể của vật nuôi

Câu 36. Đặc điểm của chọn lọc hàng loạt là:

A. Nhanh gọn. B. Tốn kém.

C. Khó thực hiện.

D. Sử dụng để chọn gia cầm đực sinh sản.

Câu 37. Nhân giống vật nuôi gồm các phương pháp chủ yếu nào?

A. nhân giống thuần chủng và lai giống

C. thụ tinh nhân tạo và thụ tinh trong ống nghiệm

B. lai xa và lai cải tạo

D. Cây truyền phôi và thụ tinh trong ống nghiệm

Câu 38. Ý nào sau đây không phải mục đích của nhân giống thuần chủng?

A. được ưu thế lai làm tăng sức sống, khả năng sản xuất ở đời con, nhằm tăng hiệu quả chăn nuôi.

B. Tăng số lượng cá thể của giống

C. Bảo tồn quỹ gen vật nuôi bản địa đang có nguy cơ tuyệt chủng

D. Duy trì và cải tiến năng suất và chất lượng của giống

Câu 39. Nhờ ứng dụng công nghệ nào sau đây mà nhà chọn giống có thể xác định được các cá thể mang gene mong muốn trong giai đoạn sớm?

A. Cây truyền phôi

C. Thụ tinh trong ống nghiệm

B. Chỉ thị phân tử

D. Xác định giới tính phôi

Câu 40. Hút tế bào trứng từ buồng trứng → nuôi để trứng phát triển và chín → thụ tinh nhân tạo → nuôi hóp tử phát triển đến giai đoạn phôi dâu và phôi nang. Đây là các bước trong quy trình:

A. Cây truyền phôi B. Chỉ thị phân tử C. Thụ tinh trong ống nghiệm D. Xác định giới tính phôi

Câu 41. Vật nuôi nào sau được coi là vật nuôi bản địa

- A. Bò lai Sind B. Bò zebu C. Bò Limonsin D. Bò Brahman

Câu 42. Vật nuôi nào sau thuộc loại dạ dày đơn

- A. Trâu, bò, dê, cừu B. Lợn và gia cầm C. Trâu, bò, lợn, gà D. Ngựa và lợn

Câu 43. Khái niệm về giống vật nuôi

- A. Là quần thể cùng loài, cùng nguồn gốc, đặc điểm ngoại hình và cấu trúc di truyền giống nhau
B. Là sản phẩm vật thể có ngoại hình và cấu trúc di truyền giống nhau do con người tạo ra
C. Là quần thể vật nuôi cùng loài, cùng nguồn gốc, đặc điểm ngoại hình và cấu trúc di truyền giống nhau do tác động của con người.
D. Là quần thể vật nuôi cùng đặc điểm ngoại hình và cấu trúc di truyền do con người tạo ra

Câu 44. Gà Đông Tảo (gà tiến vua) ở Hưng Yên, được nhận dạng qua đặc điểm nổi bật sau

- A. Màu lông trắng, không mượt, da và chân đen; chân có 5 ngón
B. Thân hình nhỏ bé, lông màu vàng rom, chân ngắn
C. Lông màu đỏ lửa hoặc xám xen lẫn vệt xanh biếc, vóc to, chân cao, cổ cao, thịt đỏ rắn chắc
D. Cặp chân xấu xí, to, thô; Trưởng thành nặng 4,5 kg (trống); 3,5 kg (mái)

Câu 45. Giống chuyên dụng là:

- A. Giống chỉ dùng nuôi lấy thịt C. Giống dùng nuôi lấy trứng và lấy thịt
B. Giống chỉ dùng nuôi lấy sữa D. Giống cao sản dùng nuôi theo một hướng sản xuất

Câu 46. Giống bò kiêm dụng là:

- A. Giống bò chỉ dùng nuôi lấy thịt C. Giống vừa có thể nuôi lấy sữa và lấy thịt
B. Giống bò chỉ dùng nuôi lấy sữa D. Giống cao sản dùng nuôi theo một hướng sản xuất

Câu 47. Giống gà được nuôi vừa có thể cho trứng, vừa có thể lấy thịt được gọi là giống:

- A. Giống kiêm dụng B. Giống chuyên dụng C. giống sản xuất D. Giống ban đầu

Câu 48. Yếu tố quan trọng quyết định đến chất lượng sản phẩm chăn nuôi là

- A. Nuôi dưỡng B. Giống C. Chăm sóc D. Môi trường sống

Câu 49. Khả năng thích nghi và hiệu quả sử dụng thức ăn của vật nuôi được quyết định bởi

- A. Nuôi dưỡng B. Chăm sóc C. Môi trường sống D. Giống

Câu 50. Lợn Móng Cái có tỉ lệ nạc khá thấp (32 – 35%) là do

- A. Nuôi ăn không đủ dinh dưỡng B. Nuôi thả tự do C. Giống quy định D. Môi trường khắc nghiệt

Câu 51. Chọn giống vật nuôi là:

- A. Chọn và giữ lại nuôi những cá thể đẹp
B. Chọn và giữ lại làm giống nuôi những cá thể đặc tính tốt, phù hợp chăn nuôi hoặc mong muốn của người chọn giống để duy trì, nâng cao đặc điểm tốt cho thế hệ sau
C. Chọn và bán những cá thể đặc tính tốt, phù hợp chăn nuôi hoặc mong muốn của người chọn giống để mang lại lợi nhuận cao hơn
D. Giữ lại làm giống những cá thể đặc tính tốt, đẹp và cho sinh sản để tạo thế hệ sau

Câu 52. Lựa chọn và giữ lại làm giống những cá thể mang đặc tính tốt phù hợp với mục đích chăn nuôi và mong muốn của người chăn nuôi là khái niệm:

- A. Lai kinh tế B. Lai cải tạo C. Chọn giống vật nuôi D. Nhân giống vật nuôi

Câu 53. Mục đích của chọn giống là

- A. Tăng nhanh số lượng đàn giống
B. Tạo ra những con giống lai phù hợp mục đích chăn nuôi
C. Tạo ra những con giống thuần chủng phù hợp mục đích chăn nuôi
D. Duy trì nâng cao đặc điểm tốt của giống cho thế hệ sau

Câu 54. Để cải thiện năng suất giống gà Ri, người ta giữ lại làm giống những con gà trống lớn nhanh, to đẹp và những gà mái chóng lớn, đẻ nhiều trứng và ấp trứng giỏi, nuôi con khéo

- A. Lai kinh tế B. Chọn giống vật nuôi C. Lai cải tạo D. Nhân giống vật nuôi

Câu 55. Ngoại hình là:

- A. Hình dáng bên ngoài có liên quan đến sức khỏe, cấu tạo, chức năng các cơ quan, bộ phận và khả năng sản xuất của con vật
- B. Là đặc tính thích nghi của con vật trong điều kiện sinh sống và di truyền nhất định có liên quan đến sức khỏe và khả năng sản xuất của con vật
- C. Là khả năng tạo ra sản phẩm của vật nuôi do giống quyết định
- D. Là sự tích lũy chất hữu cơ do quá trình trao đổi chất, làm cho cơ thể tăng lên về khối lượng, kích thước, thể tích.

Câu 56. Thể chất là

- A. Hình dáng bên ngoài có liên quan đến sức khỏe, cấu tạo, chức năng các cơ quan, bộ phận và khả năng sản xuất của con vật
- B. Là đặc tính thích nghi của con vật trong điều kiện sinh sống và di truyền nhất định có liên quan đến sức khỏe và khả năng sản xuất của con vật
- C. Là khả năng tạo ra sản phẩm của vật nuôi do giống quyết định
- D. Là sự tích lũy chất hữu cơ do quá trình trao đổi chất, làm cho cơ thể tăng lên về khối lượng, kích thước, thể tích.

Câu 57. Sinh trưởng là:

- A. Hình dáng bên ngoài có liên quan đến sức khỏe, cấu tạo, chức năng các cơ quan, bộ phận và khả năng sản xuất của con vật
- B. Là đặc tính thích nghi của con vật trong điều kiện sinh sống và di truyền nhất định có liên quan đến sức khỏe và khả năng sản xuất của con vật
- C. Là khả năng tạo ra sản phẩm của vật nuôi do giống quyết định
- D. Là sự tích lũy chất hữu cơ do quá trình trao đổi chất, làm cho cơ thể tăng lên về khối lượng, kích thước, thể tích.

Câu 58. Phát dục là:

- A. Hình dáng bên ngoài có liên quan đến sức khỏe, cấu tạo, chức năng các cơ quan, bộ phận và khả năng sản xuất của con vật
- B. Là đặc tính thích nghi của con vật trong điều kiện sinh sống và di truyền nhất định có liên quan đến sức khỏe và khả năng sản xuất của con vật
- C. Là quá trình biến đổi về chất bao gồm sự hình thành và hoàn thiện chức năng của từng cơ quan bộ phận mới của cơ thể ngay từ giai đoạn đầu tiên của bào thai và quá trình phát triển của cơ thể.
- D. Là sự tích lũy chất hữu cơ do quá trình trao đổi chất, làm cho cơ thể tăng lên về khối lượng, kích thước, thể tích.

Câu 59. Khả năng sản xuất là:

- A. Hình dáng bên ngoài có liên quan đến sức khỏe, cấu tạo, chức năng các cơ quan, bộ phận và khả năng sản xuất của con vật
- B. Là đặc tính thích nghi của con vật trong điều kiện sinh sống và di truyền nhất định có liên quan đến sức khỏe và khả năng sản xuất của con vật
- C. Là khả năng tạo ra sản phẩm của vật nuôi do giống quyết định
- D. Là sự tích lũy chất hữu cơ do quá trình trao đổi chất, làm cho cơ thể tăng lên về khối lượng, kích thước, thể tích.

Câu 60. Trong công nghệ cấy truyền phôi, bò mẹ cho phôi là bò sữa cao sản Hà Lan, bò nhận phôi là bò Lai sind. Kết quả đàn con mang tiềm năng di truyền của bò nào sau?

- A. Bò mẹ sữa Hà Lan B. Bò mẹ Lai sind C. Bò mẹ Redsind D. Bò mẹ vàng Việt Nam

2.4. Đề minh họa:

ĐỀ CHÍNH THỨC

Mã đề:.....

Họ tên HS-lớp:

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (4 điểm):

Câu 1. Vai trò của ngành chăn nuôi:

- A. Cung cấp thực phẩm trong nước và xuất khẩu và nguyên liệu cho công nghiệp chế biến
- B. Tạo việc làm, phục vụ cho tham quan du lịch, lưu giữ văn hóa truyền thống
- C. Cung cấp sức kéo, cung cấp phân bón cho ngành trồng trọt
- D. Tất cả các ý

Câu 2. Sản phẩm chăn nuôi nào sau được dùng làm thực phẩm, nguyên liệu cho CN chế biến

- A. Thịt, trứng, sữa, lông, da, sừng
- B. Phân bón
- C. Các mô cơ quan, tế bào, động vật sống
- D. Tất cả các ý

Câu 3. Lĩnh vực nào sau thuộc ngành chăn nuôi

- A. Trang trại nông sản sạch
- B. Trang trại chăn nuôi bò sữa cao sản
- C. Siêu thị thực phẩm hữu cơ
- D. Cửa hàng bán các loại thịt, trứng, sữa

Câu 4. Thành tựu công nghệ cao nào sau thuộc lĩnh vực chăn nuôi công nghệ cao

- A. Công nghệ thông tin, viễn thông
- B. Công nghệ sản xuất hàng tiêu dùng tự động
- C. Máy tự động vắt sữa bò
- D. Kỹ thuật in 3 D

Câu 5. Lợi ích của việc ứng dụng công nghệ cao trong chăn nuôi là:

- A. Sản phẩm tạo ra theo quy trình khép kín, an toàn, hiệu quả
- B. Truy suất nguồn gốc sản phẩm dễ dàng, tin cậy
- C. Tiết kiệm nhân công lao động
- D. Sản phẩm tạo ra theo quy trình khép kín, an toàn, hiệu quả, dễ dàng truy suất nguồn gốc, và tiết kiệm nhân công lao động

Câu 6. Đặc điểm của mô hình chăn nuôi bền vững

- A. Vật nuôi được chăm sóc nuôi dưỡng tốt, không bị ngược đãi, được tự do thể hiện tập tính tự nhiên
- B. Người chăn nuôi có lợi nhuận
- C. Người tiêu dùng được sử dụng sản phẩm an toàn, chất lượng, giá cả phải chăng
- D. Đảm bảo lợi ích của vật nuôi; Người chăn nuôi có lợi nhuận; Người tiêu dùng được sử dụng sản phẩm an toàn, chất lượng, giá cả phải chăng; Môi trường được gìn giữ và bảo vệ.

Câu 7. Đặc điểm của mô hình chăn nuôi thông minh

- A. Bền vững, an toàn, bảo vệ môi trường, được áp dụng công nghệ cao, hiện đại, phù hợp thực tiễn và đảm bảo tính nhân đạo cho vật nuôi, đảm bảo liên kết khép kín “từ trang trại đến bàn ăn”
- B. Sử dụng các công nghệ như AI, IoT, từ mô hình chăn nuôi nhỏ đến mô hình chăn nuôi lớn
- C. Sử dụng các robot thông minh thay cho hoạt động chăn nuôi của con người
- D. Áp dụng công nghệ cao, hiện đại, an toàn trong mọi mặt của ngành chăn nuôi

Câu 8. Thành tựu trong công tác giống vật nuôi là

- A. Công nghệ Biogas trong xử lý chất thải chăn nuôi
- B. Công nghệ Gene trong chọn, tạo và nhân giống vật nuôi
- C. Công nghệ Robot tự động trong thu trứng, vắt sữa bò
- D. Công nghệ vi sinh trong lên men và bảo quản, chế biến thức ăn chăn nuôi

Câu 9. Thành tựu trong công tác chăm sóc nuôi dưỡng vật nuôi là

- A. Công nghệ Biogas trong xử lý chất thải chăn nuôi
- B. Công nghệ Gene trong chọn, tạo và nhân giống vật nuôi

- C. Công nghệ Robot tự động trong thu trứng, vắt sữa bò
- D. Công nghệ vi sinh trong lên men và bảo quản, chế biến thức ăn chăn nuôi

Câu 10. Thành tựu trong công tác xử lý chất thải chăn nuôi là

- A. Công nghệ Biogas trong xử lý chất thải chăn nuôi
- B. Công nghệ Gene trong chọn, tạo và nhân giống vật nuôi
- C. Công nghệ Robot tự động trong thu trứng, vắt sữa bò
- D. Công nghệ vi sinh trong lên men và bảo quản, chế biến thức ăn chăn nuôi

Câu 11. Hầm Biogas, chế phẩm sinh học là thành tựu trong lĩnh vực chăn nuôi nào sau:

- A. Công tác giống vật nuôi
- B. Công tác chăm sóc, nuôi dưỡng
- C. Công tác xử lý chất thải và bảo vệ môi trường chăn nuôi
- D. Công tác chế biến thức ăn chăn nuôi

Câu 12. Ứng dụng IoT, AI, robot được ứng dụng trong mô hình chăn nuôi nào sau?

- A. Chăn thả dê tự do trên đồi, vườn tự nhiên
- B. Chăn nuôi 10 000 lợn mô hình công nghiệp hiện đại
- C. Gà Đông Tảo nuôi thả vườn trong mô hình vườn - chuồng
- D. Chăn nuôi vịt cỏ thả tự do trên đồng ruộng vào mùa đất nghỉ cấy lúa

Câu 13. Liên kết chuỗi chăn nuôi khép kín “từ trang trại tới bàn ăn” là đặc điểm của mô hình

- A. Chăn nuôi thông minh
- B. Chăn nuôi bán công nghiệp
- C. Chăn nuôi thả tự do
- D. Sản bắt tự nhiên

Câu 14. Vật nuôi bản địa là

- A. Là các giống được lai tạo ở Việt Nam
- B. Là các giống vật nuôi có nguồn gốc từ nước ngoài được nhập, nuôi dưỡng ở Việt nam
- C. Là giống vật nuôi được hình thành và chăn nuôi tại khu vực, địa phương nhất định thuộc VN
- D. Là các giống vật nuôi ngoại nhập được nhân thuần chủng ở Việt Nam

Câu 15. Vật nuôi ngoại nhập là

- A. Là các giống được lai tạo ở Việt Nam
- B. Là các giống vật nuôi có nguồn gốc từ nước ngoài được nhập, nuôi dưỡng ở Việt nam
- C. Là giống vật nuôi được hình thành và chăn nuôi tại khu vực, địa phương nhất định Việt Nam
- D. Là các giống vật nuôi được nhân thuần chủng ở Việt Nam và các nước khác trên thế giới

Câu 16. Yêu cầu quan trọng nhất đối với lao động ngành nghề chăn nuôi là

- A. Chăm chỉ, chịu khó, ham học hỏi
- B. Yêu cây xanh, có ý thức bảo vệ môi trường
- C. Yêu động vật, thích thiên nhiên
- D. Tất cả các ý

II. PHẦN TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 1: Ngành chăn nuôi có vai trò như thế nào đối với con người và nền kinh tế nước ta? Liên hệ với thực tiễn của gia đình và địa phương em?

Câu 2: Khái niệm giống vật nuôi và cho biết vai trò của giống vật nuôi trong chăn nuôi? Cho ví dụ minh họa?

Câu 3: Công nghệ cấy truyền phôi được thực hiện qua những bước như thế nào? Vì sao cấy truyền phôi được áp dụng phổ biến ở bò, mà thường không áp dụng đối với lợn?

Hoàng Mai, ngày 6 tháng 10 năm 2023

Giáo viên bộ môn

TỔ (NHÓM) TRƯỞNG

Dương Thị Minh Oanh